

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Bản án số: **408/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/11/2021

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Phương Huyền**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Đức Thắng**
Ông Nguyễn Đình Hùng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: **Ông Bùi Bách Thành**- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **284/2021/TLST-HNGĐ** ngày 01/6/2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **69/2021/QĐXX-ST** ngày 15/10/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số **69/2021/QĐST-HNGĐ** ngày 15/10/2021 giữa các đương sự:

N đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm: 1978

ĐKNKTT: Tổ 12, phố Trạm, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt)

Bị đơn: Anh Trần Quốc K, sinh năm: 1971

ĐKNKTT và chỗ ở: Số 16, ngõ 61/88 phố Trạm, tổ 12, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Tại đơn xin ly hôn và các lời khai của N đơn- chị Lê Thị H trình bày:**

- Về tình cảm: Chị và anh Trần Quốc K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 20/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Long Biên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội (nay là phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội).

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau về cách sống, cách cư xử, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mỗi người một ý kiến và không ai nhường ai nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến năm 2019, mâu thuẫn của vợ chồng trầm trọng, và sống ly thân. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn với anh K.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Trần Hải L, sinh ngày 26/12/1998 và Trần Trung N, sinh ngày 12/6/2000. Hiện nay, cả hai cháu đều đã trưởng thành trên 18 tuổi.

Về tài sản chung vợ chồng và nợ chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – Anh Trần Quốc K:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh K hợp lệ nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:**

- Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân quận Long Biên đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không đến Tòa án để làm việc mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng vi phạm các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị H và anh K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống không phù hợp, không có tiếng nói chung nên anh chị thường xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng không quan hệ sinh lý từ năm 2019 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn xin ly hôn, anh K không đến tòa để trình bày quan điểm, không chấp hành pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 19, 51, khoản 2 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Chị H và anh K có 02 con chung tên là Trần Hải L, sinh ngày 26/12/1998 và Trần Trung N, sinh ngày 12/6/2000. Hiện nay, cả hai cháu đều đã trưởng thành trên 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị không xét.

Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1- Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị H xin ly hôn anh Trần Quốc K có ĐKNKTT và chỗ ở tại ngõ 61/88 phố Trạm, tổ 12, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Do vậy, việc chị H khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên – thành phố Hà Nội.

- Bị đơn là anh Trần Quốc K mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa vào ngày 01/11/2021 nhưng anh K vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa để xét xử vào ngày 18/11/2021. Tại phiên tòa ngày 18/11/2021, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K tiếp tục vắng mặt, xét thấy đây là lần thứ hai anh K vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K, chị H là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2- Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Trần Quốc K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 20/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Long Biên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội nay là phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống và không có sự chia sẻ, nhường nhịn, cảm thông cho nhau trong cuộc sống. Tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không ai quan tâm đến ai. Năm 2019, sau nhiều lần va chạm, vợ chồng đã sống ly thân nhau. Quá trình giải quyết ly hôn tại tòa, anh K không đến để hòa giải cũng như trình bày quan điểm trước yêu cầu ly hôn của chị H càng thể hiện việc anh không thiện chí đoàn tụ vợ chồng, không có sự tác động để níu giữ gia đình của mình. Qua trao đổi với

chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn anh chị đã trầm trọng, chị H đã không ở chung với anh K nhiều năm nay, thậm chí bố chồng mất chị H không về chịu tang. Vợ chồng không có khả năng đoàn tụ.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh K đã trầm trọng kéo dài, cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh K có căn cứ nên được chấp nhận là phù hợp với quan điểm của Viện kiểm sát và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị H và anh K có 02 con chung tên là Trần Hải L, sinh ngày 26/12/1998 và Trần Trung N, sinh ngày 12/6/2000. Hiện nay, cả hai cháu đều đã trưởng thành trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản và công nợ, các bên có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Lê Thị H** đối với anh **Trần Quốc K**. Chị Lê Thị H được ly hôn anh Trần Quốc K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 75/2002 quyển số 02 do UBND xã Long Biên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội nay là UBND phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội cấp cho chị Lê Thị H và anh Trần Quốc K không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Xác nhận chị Lê Thị H và anh Trần Quốc K có 02 con chung tên là Trần Hải L, sinh ngày 26/12/1998 và Trần Trung N, sinh ngày 12/6/2000. Hiện nay, cả hai cháu đều đã trưởng thành trên 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp phát sinh tranh chấp về tài sản và nợ chung các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình. Xác nhận chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số **64644** ngày 01/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên. Nay chuyển thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm.

Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Quốc K vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị Phương Huyền